TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 19-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Dá.

Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 4 đến ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Số Y Nguyễn Thái H, phường Quang T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng A, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Trung K, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số M kênh Cầu X, Khóm N, Phường L, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số S, ấp Trung H, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Tạ Thị B, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung H, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020 và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Trung K trình bày:

Ngày 20/6/2016, Công ty cổ phần X và ông Nguyễn Chí C chủ hộ kinh doanh cửa hàng VLXD Chí C có ký hợp đồng mua bán số 04396/HĐBH/2016, theo đó công ty cung cấp xi măng cho cửa hàng của ông C theo đơn đặt hàng và ông C có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận hàng. Đơn hàng cuối cùng ông C nhận là ngày 13/11/2017 tính đến ngày khởi kiện quá hạn 1093 ngày. Tính đến ngày 30/11/2020 cửa hàng của ông C còn nợ công ty tiền hàng 50.000.000 đồng. Công ty nhiều lần liên hệ thu hồi nợ nhưng ông C không có thiện chí thanh toán. Vi phạm vào Điều 5 của Hợp đồng mà hai bên đã ký. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông C có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng là 50.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán mức lãi suất 0,1%/ngày, tính từ ngày 13/11/2017 đến ngày 30/11/2020 trên số dư nợ quá hạn, tạm tính 54.619.851 đồng. Tổng cộng ông C có nghĩa vụ thanh toán số tiền 104.619.851 đồng. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện yêu cầu tính lãi chậm thanh toán mức lãi suất như trên, nhưng tính từ ngày 05/12/2017 (trừ 21 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng cuối cùng ngày 13/11/2017) đến ngày làm đơn khởi kiện 30/11/2020, đồng thời yêu cầu ông C phải trả toàn bộ số tiền còn nợ trong một lần, không đồng ý cho trả dần.

Bị đơn ông Nguyễn Chí C trình bày:

Ông thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Giữa ông và Công ty cổ phần X có ký hợp đồng mua bán hàng hóa là xi măng số 04396/HĐBH/2016 ngày 20/6/2016. Đơn hàng cuối cùng ông nhận của công ty vào ngày 13/11/2017 số lượng 850 bao xi măng với số tiền 128.030.000 đồng. Sau khi nhận hàng tính đến ngày 28/7/2020 đã trả được 78.030.000 đồng. Hiện còn nợ lại công ty số tiền 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng còn nợ nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, cam kết trả trong năm 2021 là dứt nợ. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông không đồng ý với lý do, mặc dù trong hợp đồng đã ký có thỏa thuận lãi chậm trả là 0,1%/ngày/số dư nợ quá hạn, nhưng thực tế trong giao dịch làm ăn với nguyên đơn từ trước đến nay nguyên đơn đều không tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị B trình bày:

Bà là mẹ ruột của bị đơn ông C, hộ gia đình của bà chỉ có 02 người gồm bà và ông C, cửa hàng vật liệu xây dựng Chí C thuộc sở hữu của ông C, do một mình ông C đứng tên giấy phép kinh doanh, bà không liên quan, không có cổ phần hay góp vốn gì đối với hộ kinh doanh. Trước đây khi ông C giao kết hợp đồng mua bán bà có ký vào hợp đồng với tư cách người được ông Công ủy quyền nhận hàng và thanh toán tiền hàng khi ông C đi vắng. Bà xác nhận có ký vào Hợp đồng mua bán xi măng số 04396/HĐBH/2016 ngày 20/6/2016, Sổ xác nhận khối lượng và công nợ tháng 07 năm 2020 nhưng dưới tư cách là người được ông C ủy quyền cho một số công việc như đã trình bày. Còn lại mọi giao dịch, giao kết hợp đồng và chịu trách nhiệm trong thực hiện hợp đồng là một mình ông C chịu trách nhiệm, bà

không có nghĩa vụ gì đối với phía công ty. Nay công ty khởi kiện đối với ông C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán bà không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông C hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, nhưng mức lãi suất các bên thỏa thuận là cao so với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất theo quy định pháp luật để tính lãi, án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp với nhau về hợp đồng mua bán hàng hóa là xi măng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và hộ kinh doanh cá thể gồm 01 thành viên, đều vì mục đích lợi nhuận, quan hệ tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại mục 7.5 Điều 7 Hợp đồng mua bán xi măng số 04396/HĐBH/2016 ngày 20/6/2016 các bên giao kết có thỏa thuận trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì ưu tiên đàm phán, nếu sự thương lượng không thành công thì hai bên nhất trí chuyển cho Tòa án tại thành phố Hồ Chí Minh phân xử theo pháp luật. Mặc dù có thỏa thuận Tòa án thành phố Hồ Chí Minh để xét xử nhưng việc thỏa thuận đó chưa phù hợp với cấp Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án huyện Thạnh T nơi bị đơn cư trú tại ấp Trung H, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị B có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà B.

[1.3] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng là 50.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán mức lãi suất 0,1%/ngày/số dư nợ quá hạn, tính từ ngày 13/11/2017 đến ngày 30/11/2020, tạm tính 54.619.851 đồng, tổng cộng số tiền 104.619.851 đồng. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán mức lãi suất như trên, nhưng tính từ ngày 05/12/2017 (trừ 21 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng cuối cùng ngày 13/11/2017) đến ngày làm đơn khởi kiện 30/11/2020. Xét yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của

đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, giữa Công ty cổ phần X và ông Nguyễn Chí C – chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Chí C có ký kết Hợp đồng mua bán xi măng số 04396/HĐBH/2016 ngày 20/6/2016, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 13/11/2017 (ngày nhận đơn hàng cuối cùng) ông C còn nợ công ty số tiền hàng hóa 50.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Do ông C vi phạm nghĩa vụ của bên mua là trả tiền hàng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi bị đơn trả số tiền mua hàng 50.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán, mức lãi suất 0,1%/ngày/số dư nợ quá hạn, tính từ ngày 05/12/2017 đến ngày 30/11/2020. Bị đơn ông C không đồng ý chịu lãi, ông C lập luận mặc dù trong hợp đồng đã ký có thỏa thuận lãi chậm trả là 0,1%/ngày/số dư nợ quá hạn, nhưng thực tế trong giao dịch làm ăn với Công ty từ trước đến nay Công ty đều không tính lãi. Xét lập luận của ông C là chưa thuyết phục, căn cứ mục 5.4 Hợp đồng mua bán xi măng số 04396/HĐBH/2016 ngày 20/6/2016 có nội dung thể hiện "Sau 21 ngày kể từ thời điểm nhận hàng theo điều 4.4 hoặc 4.5 mà bên B chưa thanh toán theo điều 5.2, bên B đồng ý rằng bên A được quyền tính phạt lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số dư nợ quá hạn". Do các bên đã có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán và thỏa thuận này là tự nguyện, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tuy nhiên, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,1%/ngày tương đương 3%/tháng là cao, mặc dù Luật Thương mại năm 2005 không quy định mức lãi suất tối đa các bên được phép thỏa thuận, nhưng theo khoản 3 Điều 4 Luật thương mại quy định: "Hoạt động thương mại không được quy định trong Luật thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự.". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) để làm căn cứ tính lãi. Lãi suất được tính như sau: 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 35 tháng 25 ngày (tính từ ngày 05/12/2017 đến ngày 30/11/2020) = 29.741.666 đồng.

[2.3] Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 79.741.666 đồng, trong đó tiền vốn mua hàng 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 29.741.666 đồng. Không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tiền lãi chênh lệch 24.008.334 đồng (tiền lãi nguyên đơn yêu cầu 53.750.000 đồng (lãi được tính 50.000.000 đồng x 3%/tháng x 35 tháng 25 ngày (tính từ ngày 05/12/2017 đến ngày 30/11/2020)) – tiền lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận 29.741.666 đồng).

[2.4] Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu trả một lần, bị đơn ông C xin trả dần số tiền mua hàng còn nợ 50.000.000 đồng, nhưng nguyên

đơn không đồng ý cho trả dần, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 54, Điều 55, Điều 306 và khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X về việc đòi bị đơn ông Nguyễn Chí C trả tiền mua hàng hóa còn nợ và yêu cầu tính lãi.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần X số tiền còn nợ 79.741.666 đồng (bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền vốn mua hàng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán 29.741.666 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X về việc đòi bị đơn ông Nguyễn Chí C trả số tiền lãi chênh lệch số tiền 24.008.334 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí C nộp án phí số tiền 3.987.083 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Buộc nguyên đơn Công ty cổ phần X nộp án phí số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.615.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008242 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn Công ty cổ phần X còn phải nộp án phí số tiền 385.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp